

Số: 189/BC-NTH

Ninh Thuận, ngày 23 tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO

Phục vụ giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh về “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021”

Thực hiện công văn 252/CV-ĐGS ngày 06/9/2022 về việc báo cáo phục vụ giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh về “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021”. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Ninh Thuận (NHNN chi nhánh) báo cáo một số nội dung như sau:

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của NHNN chi nhánh.

Công tác phòng, chống tham nhũng, tội phạm và tiêu cực (PCTN, TP&TC) luôn được Cấp ủy Đảng và Ban lãnh đạo NHNN chi nhánh quan tâm, chỉ đạo sâu sát coi đây là nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên. Với trách nhiệm là người đứng đầu, Bí Thư Chi bộ, Giám đốc Chi nhánh luôn thể hiện trách nhiệm và vai trò lãnh đạo, chỉ đạo trong công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các quy định của Ngành và địa phương về PCTN, TP&TC; Chỉ đạo tổ chức triển khai kịp thời, kiên quyết và đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp về PCTN, TP&TC... từ đó đã góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác đấu tranh PCTN, TP&TC trong Ngành Ngân hàng trên địa bàn.

2. Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của NHNN chi nhánh

2.1. Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng

- Thông qua nhiều hình thức như Họp giao ban, Họp Chi bộ hàng tháng, Hội nghị cán bộ, công chức hàng năm, Hội nghị trực tuyến và các Hội nghị chuyên đề PCTN, thông qua website nội bộ, hoặc ban hành công văn hướng dẫn, trong kỳ báo cáo NHNN chi nhánh đã quán triệt và triển khai 145 văn bản của các cấp về công tác PCTN, TP&TC đến toàn thể cán bộ, công chức, người lao động (CBCC, NLD) tại Chi nhánh và các tổ chức tín dụng (TCTD) trên địa bàn.

- NHNN chi nhánh đã tổ chức nhiều Hội nghị sơ kết, tổng kết chuyên đề PCTN, TP&TC như: Hội nghị tổng kết 10 năm Luật PCTN kết hợp với Hội nghị tổng kết Ngành năm 2015; Hội nghị Sơ kết đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược

quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 giai đoạn 2 (2012-2016); Tổng kết thực hiện Đề án tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng, Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân từ năm 2012 đến năm 2016; Hội nghị triển khai chỉ thị 07/CT-NHNN về tăng cường phòng, chống, ngăn ngừa vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, đảm bảo an ninh, an toàn hoạt động ngân hàng; Hội nghị trực tuyến toàn Ngành Ngân hàng về Luật Tố cáo năm 2018, Luật PCTN năm 2018 và Luật bảo vệ bí mật Nhà nước năm 2018, Hội nghị tuyên truyền ngày pháp luật 9/11 năm 2018; Hội nghị triển khai Nghị định 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

- Các chương trình, kế hoạch triển khai công tác PCTN, TP&TC của Ngành Ngân hàng trên địa bàn và của Chi nhánh được xây dựng và ban hành hàng năm và từng giai đoạn theo định hướng của Chính phủ, Ngành và địa phương; Kết quả thực hiện được tổ chức đánh giá việc thực hiện đầy đủ và kịp thời thông qua các cuộc họp giao ban, họp sơ kết hoạt động Ngân hàng hàng quý, 6 tháng, năm, các cuộc họp chuyên đề và qua chế độ thông tin báo cáo định kì hoặc đột xuất.

2.2. Việc ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng

NHNN chi nhánh đã ban hành 66 văn bản triển khai và hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của các cấp liên quan đến công tác PCTN, TP&TC đến CBCCC, NLĐ trong Chi nhánh và các TCTD trên địa bàn, tập trung triển khai một số nội dung:

+ Các Chương trình, Kế hoạch công tác PCTN&TP hàng năm của ngành Ngân hàng Ninh Thuận, của Chi Bộ và của NHNN chi nhánh.

+ Kế hoạch của Chi bộ về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác PCTN, TP&TC và trong công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

+ Quy chế phối hợp với Ban Nội Chính Tỉnh Ủy trong công tác PCTN và tham mưu, chỉ đạo xử lý vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật nghiêm trọng thuộc lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

+ Công văn hướng dẫn kê khai, kiểm soát tài sản, thu nhập.

+ Công văn chỉ đạo tăng cường công tác phòng, chống ngăn ngừa vi phạm pháp luật trong hoạt động ngân hàng.

+ Công văn triển khai Luật PCTN 2018, Nghị định 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn và các văn bản hướng dẫn có liên quan,...

2.3. Tình hình tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng; tình hình hoạt động của các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng (nếu có cơ quan, đơn vị chuyên trách)

- Ban Chỉ đạo PCTN&TP của ngành Ngân hàng Ninh Thuận đã được thành lập và kiện toàn theo Quyết định số 76/QĐ-NTH ngày 9/7/2021 với thành phần bao gồm Bí thư Chi bộ, Giám đốc Chi nhánh làm Trưởng Ban, Chánh Thanh tra, giám sát Chi nhánh làm Phó Trưởng Ban thường trực; các ủy viên gồm: Giám đốc Ngân hàng No&PTNT, Giám đốc Ngân hàng TMCP ĐT&PT, Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương, Giám đốc Ngân hàng TMCP Ngoại thương, Giám đốc Ngân hàng CSXH.

- Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo PCTN&TP ngành Ngân hàng Ninh Thuận được ban hành kèm theo Quyết định 149/QĐ-NTH, ngày 31/12/2015 quy định đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Ban chỉ đạo, cơ chế hoạt động của Ban chỉ đạo trong công tác PCTN&TP.

- Ngoài ra, đề công tác PCTN&TP được triển khai sâu sát và phát huy được tính hiệu quả, tại các TCTD trên địa bàn cũng đã thành lập các Tiểu Ban Chỉ đạo PCTN&TP. Thành phần của Tiểu Ban Chỉ đạo bao gồm Giám đốc là Trưởng Tiểu Ban; một Phó Giám đốc là Phó Tiểu Ban; Trưởng Phòng kiểm tra, kiểm soát nội bộ hoặc Trưởng Phòng Quản trị rủi ro là Ủy viên thường trực; các thành viên còn lại là các Trưởng các Phòng nghiệp vụ, Giám đốc Phòng giao dịch huyện.

- Ban Chỉ đạo PCTN&TP có trách nhiệm quán triệt và chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, của Ngành về PCTN, TP&TC, đồng thời chỉ đạo tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động để qua đó kịp thời phát hiện những sai phạm xảy ra, ngăn chặn và giảm thiểu các vụ việc phát sinh; định kỳ đánh giá tình hình hoạt động, đề ra các biện pháp kiểm tra, giám sát thông qua các cuộc họp Sơ kết, Tổng kết Ngành Ngân hàng trên địa bàn.

2.4. Các kết quả khác đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng

- Bên cạnh việc tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các cấp liên quan đến công tác PCTN, TP&TC, Cấp ủy Chi bộ cũng thường xuyên quan tâm đến việc nâng cao chất lượng sinh hoạt Chi bộ; Đưa nội dung học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trở thành nền nếp; chú trọng quan tâm đến việc tuyên truyền giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong làm việc của cán bộ công chức viên chức theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương khóa XII về tăng cường xây dựng chi đồn Đảng, ngăn chặn đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 5/9/2016 Về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính Nhà nước.

- Có sự phối hợp giữa Cấp uỷ, chính quyền, đoàn thể trong việc nắm bắt diễn biến tư tưởng của cán bộ, công chức, người lao động; ngăn chặn kịp thời các biểu hiện suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, tự diễn biến, tự chuyển hóa. Nhất là đối với những CBCC đang ở vị trí dễ nảy sinh tiêu cực, tham nhũng.

3. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

3.1. Việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị

- Thực hiện tốt các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động: Tại Hội nghị CBCC và các cuộc họp giao ban công khai các nội dung như Công tác chi tiêu tài chính, tình hình thực hiện quản lý kinh phí khoán; quản lý, thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản; mua sắm, sử dụng trang thiết bị làm việc; quản lý và sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ; quỹ khen thưởng, phúc lợi; nâng lương đến hạn, chuyển ngạch bậc lương và xếp loại cán bộ, công chức, công tác đào tạo, bổ nhiệm, quy hoạch cán bộ,...

- Các quy trình thủ tục hành chính được Chi nhánh công khai để thuận tiện cho khách hàng tìm hiểu và sử dụng dịch vụ; Kết luận thanh tra (không thuộc nội dung bí mật Nhà nước) đều được công khai theo đúng quy định của pháp luật.

- Thông qua việc công khai, minh bạch Chi nhánh đã tạo được sự đoàn kết, nhất trí trong nội bộ, góp phần tích cực trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và nâng cao được hiệu quả hoạt động của đơn vị.

3.2. Việc xây dựng, ban hành và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn

- Chi nhánh tiếp tục thực hiện nghiêm túc các quy chế, quy định đã ban hành như Quy chế quản lý và sử dụng công sở (Quyết định 144/QĐ-NTH ngày 21/12/2012), Quy chế quản lý và sử dụng xe ô tô (Quyết định 145/QĐ-NTH ngày 21/12/2012), Quy chế chi tiêu nội bộ (Quyết định 72/QĐ-NTH ngày 30/6/2021 và Quyết định 52/QĐ-NTH ngày 24/05/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế chi tiêu nội bộ), Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công nghệ thông tin (Quyết định số 47/QĐ-NTH ngày 26/04/2017); Quy chế quản lý, sử dụng tài sản (Quyết định số 45/QĐ-NTH ngày 28/4/2022)...

3.3. Việc cán bộ, công chức, viên chức nộp lại quà tặng

Chi nhánh đã quán triệt cán bộ, công chức, người lao động thực hiện nghiêm túc quy định về tặng quà và nhận quà tặng theo quy định tại Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCTN. Trong kỳ, không phát sinh trường hợp cán bộ, công chức, người lao động được nhận quà và nộp lại quà tặng.

3.4. Việc xây dựng, thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức

- Chi nhánh tiếp tục thực hiện tốt Quy chế văn hóa công sở và chuẩn mực giao tiếp, ứng xử của cán bộ công chức, lao động kèm theo Quyết định 46/QĐ-NTH ngày 02/5/2013 và Cẩm nang văn hóa công sở Ngân hàng Nhà nước (NHNN) chi nhánh tỉnh Ninh Thuận.

- Chi nhánh đã rà soát, sửa đổi và ban hành Quy định đánh giá xếp loại lao động hàng tháng theo Quyết định 115/QĐ-NTH ngày 14/10/2020. Theo đó, hàng tháng tại Chi nhánh tổ chức họp giao ban đều có nội dung đánh giá xếp loại cán bộ, công chức, người lao động, kịp thời chấn chỉnh các trường hợp vi phạm quy chế văn hóa công sở và nội quy cơ quan như giờ giấc làm việc, trang phục công sở,...

3.5. Việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức theo quy định nhằm phòng ngừa tham nhũng (báo cáo số người được chuyển đổi trong kỳ báo cáo)

Trong kỳ báo cáo, NHNN chi nhánh thực hiện luân chuyển, điều động 12 cán bộ, công chức nhằm phòng ngừa tham nhũng.

3.6. Việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản và thu nhập

- Trong kỳ, Chi nhánh đã thực hiện kê khai, công khai tài sản, thu nhập đối với 136 cán bộ, công chức thuộc đối tượng phải kê khai hàng năm, kê khai lần đầu. Việc kê khai được thực hiện đúng đối tượng và đúng thời gian quy định, việc công khai được thực hiện đúng thời gian và hình thức theo quy định của Luật PCTN và theo hướng dẫn của NHNN Việt Nam.

3.7. Việc xem xét, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách

- Thành phần tham gia Ban Chỉ đạo PCTN&TP ngành Ngân hàng Ninh Thuận bao gồm Bí thư Chi bộ, Giám đốc Chi nhánh làm Trưởng Ban, Phó Chánh Thanh tra phụ trách Thanh tra, giám sát Chi nhánh làm Phó Trưởng Ban thường trực; các ủy viên gồm: Giám đốc Ngân hàng No&PTNT, Giám đốc Ngân hàng TMCP ĐT&PT, Giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương, Giám đốc Ngân hàng TMCP Ngoại thương, Giám đốc Ngân hàng CSXH.

Theo đó, người đứng đầu Chi nhánh và các TCTD trên địa bàn có vai trò quan trọng trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng đồng thời chịu trách nhiệm khi để xảy ra vụ việc tham nhũng xảy ra tại đơn vị do mình quản lý, phụ trách. Tuy nhiên, trong kỳ báo cáo ngành Ngân hàng trên địa bàn không phát sinh vụ việc tham nhũng nên không phát sinh việc xem xét, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu.

3.8. Việc thực hiện cải cách hành chính

- Việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị luôn được Cấp ủy Chi bộ và Ban lãnh đạo Chi nhánh quan tâm chỉ đạo sâu sát việc thực hiện.

- Hàng năm, Chi nhánh ban hành Kế hoạch thực hiện chương trình cải cách hành chính, tổ chức thực hiện nghiêm túc văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Ngành, địa phương về công tác cải cách hành chính, trong đó xác định cụ thể, rõ ràng các nhiệm vụ cần thực hiện và phân công tổ chức thực hiện đến các Phòng, Ban có liên quan.

- Chi nhánh áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015 góp phần mang lại hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành của Chi nhánh: Chất lượng, hiệu quả của công tác quản lý và cung cấp dịch vụ hành chính công được cải thiện thông qua việc chuẩn hoá các quy trình giải quyết; Hệ thống tài liệu, hồ sơ được sắp xếp, lưu trữ một cách khoa học giúp cho việc tra cứu, sử dụng, kiểm soát được dễ dàng và nhanh chóng; Việc đo lường sự thỏa mãn của khách hàng được thực hiện định kỳ hàng năm theo Kế hoạch; Qua đo lường sự thỏa mãn của khách hàng, Chi nhánh xác định được thực trạng và các mong muốn, yêu cầu của tổ chức đối với việc giải quyết thủ tục hành chính, từ đó đề ra những giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính và ý thức, trách nhiệm, thái độ phục vụ của cán bộ công chức.

3.9. Việc tăng cường áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị

- Hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành (Hệ thống E-doc) được triển khai đến 100% công chức của Chi nhánh từ ngày 01/10/2016. Hệ thống E-doc đã giúp Chi nhánh đổi mới, nâng cao chất lượng công tác văn thư, lưu trữ từ khâu số hóa văn bản đi, đến, thiết lập hồ sơ công việc, khai thác tài liệu lưu trữ cũng như hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc.

Ngày 21/12/2020, Chi nhánh đã vận hành chính thức chức năng ký số văn bản điện tử trên hệ thống E-doc theo Quyết định số 1382/QĐ-NHNN ngày 10/8/2020 ban hành Quy chế quản lý, sử dụng chứng thư số, chữ ký số chuyên dùng Chính phủ tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- Hệ thống thư điện tử phục vụ cho hoạt động, nghiệp vụ được triển khai toàn hệ thống NHNN. Hộp thư điện tử được cấp đầy đủ cho công chức trong cơ quan đảm bảo dung lượng cho từng người sử dụng.

- Hệ thống quản trị định danh của NHNN là nền tảng để thực hiện việc quản lý người dùng, máy tính theo một chính sách chung, góp phần nâng cao an ninh, an toàn CNTT của NHNN. Mỗi người dùng sẽ sử dụng một tên đăng nhập, mật khẩu duy nhất được thiết lập các chính sách an ninh, an toàn tạo thuận lợi cho người dùng không phải ghi nhớ nhiều tài khoản khi truy cập các hệ thống CNTT tại NHNN; việc quản lý máy tính cũng sẽ thống nhất, tập trung góp phần tăng cường an ninh, an toàn trong việc sử dụng máy tính. Đến nay, hạ tầng quản trị định danh đã được triển khai đến hệ thống ngân hàng lõi T24, kế toán ERP, báo cáo T24R, hệ thống báo cáo NHNN, hệ thống E-doc, hệ thống dịch vụ công, hệ thống thư điện tử, quản lý máy trạm tham gia domain NHNN.

- Hệ thống truyền hình trực tuyến giúp Chi nhánh tham gia các hội nghị trực tuyến với quy mô toàn quốc một cách thuận tiện, giảm chi phí và thời gian đi lại của công chức. Ngoài ra, đào tạo trực tuyến qua hệ thống truyền hình trực tuyến cho thấy nhiều ưu điểm như tiết kiệm chi phí, thời gian, dễ dàng triển khai các khóa đào tạo diện rộng với số lượng học viên lớn.

- Chi nhánh đã trang bị hệ thống camera giám sát khu vực kiểm đếm, xuất nhập tiền, quầy giao dịch,... nơi thường xuyên tiếp xúc, giao dịch với khách hàng; Việc ghi hình, lưu trữ và trích xuất dữ liệu đảm bảo theo đúng quy định của NHNN.

3.10. Việc đổi mới phương thức thanh toán, trả lương qua tài khoản

- 100% CBCC, NLD của Chi nhánh đều được chi trả lương qua tài khoản.

- NHNN Chi nhánh chỉ đạo các TCTD tiếp tục duy trì và đảm bảo hoạt động các ATM, các thiết bị chấp nhận thẻ, nâng cao chất lượng kết nối liên thông hệ thống POS, đa dạng hóa các tiện ích và nâng cao chất lượng các dịch vụ thanh toán qua thẻ nhằm phát triển hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn. Đến 31/12/2021, toàn tỉnh có 91 máy ATM và 464 máy POS được lắp đặt và kết nối liên thông với 383.792 thẻ đang được lưu hành.

- Chỉ đạo các Ngân hàng trên địa bàn tiếp tục đẩy mạnh thanh toán qua Ngân hàng đối với dịch vụ công theo Kế hoạch 2726/KH-UBND ngày 02/7/2020 của UBND tỉnh, thực hiện tốt các đề án thanh toán viện phí, học phí qua ngân hàng được UBND tỉnh phê duyệt.

3.11. Kết quả thực hiện những vướng mắc, khó khăn, kiến nghị trong thực hiện quy định về tạm đình chỉ, tạm thời chuyển đổi vị trí công tác khác đối với cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm pháp liên quan đến tham nhũng:

Không phát sinh những vướng mắc, khó khăn, kiến nghị

3.12. Kết quả thực hiện những vướng mắc, khó khăn, kiến nghị trong thực hiện quy định về trách nhiệm giải trình trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Không phát sinh những vướng mắc, khó khăn, kiến nghị

4. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng; việc giải quyết, kiểm sát giải quyết, xét xử vụ việc, vụ án tham nhũng; kết quả thu hồi tài sản tham nhũng.

4.1. Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của các ngành, đơn vị, địa phương; kết quả thu hồi tài sản tham nhũng.

Không phát sinh vụ việc, vụ án tham nhũng

4.2. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Sở, ngành, đơn vị, địa phương;

Không phát sinh vụ việc, vụ án tham nhũng qua hoạt động tự kiểm tra nội bộ

4.3. Kết quả công tác thanh tra và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra;

Không phát sinh vụ việc, vụ án tham nhũng qua hoạt động thanh tra

4.4. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua giải quyết khiếu nại, tố cáo;

Không phát sinh vụ việc, vụ án tham nhũng qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.

4.5. Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác

Không phát sinh

5. Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng

5.1. Việc triển khai các cuộc thanh tra:

Trong kỳ báo cáo, Thanh tra giám sát Chi nhánh đã tiến hành 36 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành và 1 cuộc thanh tra hành chính, tất cả đều đã tham mưu Giám đốc ban hành Kết luận thanh tra.

Trong đó, có 01 cuộc kiểm tra chuyên đề năm 2016 về công tác phòng, chống tham nhũng và tội phạm tại các TCTD trên địa bàn (theo Quyết định 111/QĐ-NTH ngày 10/10/2016 và kế hoạch kiểm tra số 35/KH-NTH), thời gian tiến hành kiểm tra từ ngày 17/10/2016 đến 31/10/2016, sau kiểm tra Đoàn đã có báo cáo số 137/BC-NTH ngày 29/11/2016 về kết quả kiểm tra.

Ngoài ra, khi xây dựng Kế hoạch thanh tra chuyên đề hàng năm đối với các Tổ chức tín dụng, Thanh tra giám sát Chi nhánh đều tham mưu Giám đốc Chi nhánh lồng ghép nội dung thanh tra công tác phòng, chống tham nhũng và tội phạm, phòng chống khủng bố, rửa tiền và công tác đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động theo Chỉ thị 07/CT-NHNN ngày 11/10/2017.

Có 13 cuộc thanh tra /36 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành có lồng ghép nội dung phòng, chống tham nhũng hoặc nội dung đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động theo Chỉ thị 07/CT-NHNN (trong đó 4 cuộc thanh tra các Ngân hàng thương mại cổ phần ngoài khu vực nhà nước được thanh tra việc đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động theo Chỉ thị 07/CT-NHNN có nội dung liên quan đến Phòng, chống tham nhũng).

5.2. Kết quả thanh tra, kiểm tra:

Qua thanh tra, kiểm tra, trong kỳ báo cáo không phát hiện vụ việc tham nhũng thuộc lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng. Những tồn tại, sai sót được phát hiện qua thanh tra, kiểm tra chủ yếu mang tính chất sai sót nghiệp vụ của cán bộ thực hiện và có thể khắc phục chỉnh sửa được.

Tất cả các kiến nghị qua thanh tra đều được NHNN chi nhánh tổ chức theo dõi việc chỉnh sửa và khắc phục đầy đủ trước khi có văn bản chấp thuận đóng kiến nghị.

6. Số vụ việc tham nhũng liên quan đến cán bộ, công chức thanh tra cấp sở, ngành và thanh tra cấp huyện của cơ quan, đơn vị, ngành mình

Không phát sinh

7. Phát huy vai trò của xã hội, hợp tác quốc tế về PCTN

7.1. Các nội dung đã thực hiện nhằm nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, cơ quan báo chí, ngôn luận và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng: Không có

7.2. Những kết quả, đóng góp của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, cơ quan báo chí, ngôn luận, doanh nghiệp và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng: Không có

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ (THTK, CLP)

1. Việc chỉ đạo, điều hành công tác THTK, CLP

Căn cứ văn bản hướng dẫn của NHNN Việt Nam về công tác THTK, CLP, NHNN chi nhánh đã ban hành các văn bản trong giai đoạn 2016-2021 như sau:

Chương trình hành động số 21/CTr-NTH ngày 13/5/2016 về THTK, CLP năm 2016; Chương trình hành động số 22/CTr-NTH ngày 11/5/2017 về THTK, CLP năm 2017 và Kế hoạch tiết kiệm năm 2017; Chương trình hành động số 23/CTr-NTH ngày 26/5/2017 về THTK, CLP giai đoạn 2016-2020; Chương trình hành động số 01/CTr-NTH ngày 28/3/2018 về THTK, CLP năm 2018 và Kế hoạch tiết kiệm năm 2018; Chương trình hành động số 02/CTr-NTH ngày 12/4/2019 về THTK, CLP năm 2019 và Kế hoạch tiết kiệm năm 2019; Chương trình hành động số 02/CTr-NTH ngày 10/3/2020 về THTK, CLP năm 2020 và Kế hoạch tiết kiệm năm 2020; Chương trình hành động số 02/CTr-NTH ngày 26/02/2021 về THTK, CLP năm 2021 và Kế hoạch tiết kiệm năm 2021; Công văn số 434/NTH ngày 11/11/2021 về việc điều chỉnh kế hoạch tiết kiệm năm 2021; Kiện toàn Ban chỉ đạo THTK, CLP tại Chi nhánh (Quyết định số 98/QĐ-NTH ngày 23/8/2021); Quy chế làm việc của Ban chỉ đạo về THTK, CLP (Quyết định số 99/QĐ-NTH ngày 26/8/2021).

Quyết định số 93/QĐ-NTH ngày 18/9/2017 của Giám đốc Chi nhánh ban hành Quy chế làm việc của NHNN chi nhánh tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 137/QĐ-NTH ngày 27/11/2017 của Giám đốc Chi nhánh ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của NHNN chi nhánh tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 30/QĐ-NTH ngày 27/3/2020 của Giám đốc Chi nhánh ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản của NHNN chi nhánh tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 81/QĐ-NTH ngày 31/7/2020 của Giám đốc Chi nhánh ban hành Quy chế làm việc của NHNN chi nhánh tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 82/QĐ-NTH ngày 31/7/2020 của Giám đốc Chi nhánh ban hành Quy chế làm việc của các phòng trực thuộc Chi nhánh; Quyết định số 100/QĐ-NTH ngày 15/9/2020 của Giám đốc Chi nhánh ban hành Quy định sử dụng điện tiết kiệm; Quyết định số 115/QĐ-NTH ngày 14/10/2020 của Giám đốc Chi nhánh ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại hàng tháng đối với công chức, người lao động thuộc Chi nhánh; Quyết định số 72/QĐ-NTH ngày 30/6/2021 của Giám đốc Chi nhánh ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của NHNN chi nhánh tỉnh Ninh Thuận.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc THTK, CLP và là nhiệm vụ thường xuyên của đơn vị, Ban Giám đốc Chi nhánh đã thường xuyên cập nhật phổ biến các văn bản của Đảng, của Nhà nước và của Ngành về THTK, CLP đến từng cán bộ, công chức, người lao động trong đơn vị. Đặc biệt trong bối cảnh đại dịch Covid-19, Giám đốc Chi nhánh luôn quán triệt thực hiện nghiêm túc chủ trương chung của Ngành là cắt giảm các khoản chi chưa cần thiết để tập trung nguồn lực phòng chống

dịch, tháo gỡ khó khăn do đại dịch gây ra và phấn đấu hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội hằng năm.

Việc thực hiện tuyên truyền, phổ biến, quán triệt quy định pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước và Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về THTK, CLP được tổ chức thông qua các buổi họp Chi bộ, họp giao ban, Hội nghị cán bộ, công chức, đồng thời đăng tải văn bản lên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành và xem công tác THTK, CLP là một trong những nội dung để phát động phong trào thi đua tại Chi nhánh. Cấp ủy chi bộ chú trọng tổ chức sinh hoạt chuyên đề về đẩy mạnh công tác THTK, CLP tại Chi nhánh nhằm đánh giá kết quả THTK, CLP trong thời gian qua, rút ra bài học kinh nghiệm và thảo luận các giải pháp THTK, CLP thiết thực và hiệu quả hơn; qua đó giúp cán bộ, công chức và người lao động trong Chi nhánh nâng cao nhận thức, phòng ngừa, ngăn chặn và đẩy lùi hiện tượng lãng phí trong các lĩnh vực hoạt động của Chi nhánh.

2. Trong quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước

Hằng năm, Chi nhánh chú trọng thực hiện các biện pháp tiết kiệm, tiết giảm chi phí tối đa theo chủ trương chung của Ngành, trong đó chú trọng đến khoản chi hoạt động và quản lý công vụ. Trên cơ sở kế hoạch thu nhập - chi phí được Ngân hàng Trung ương giao khoán, Chi nhánh có kế hoạch phân chia theo quý, tháng cho từng khoản chi trên tinh thần tiết kiệm nhằm đảm bảo chấp hành dự toán được duyệt trong năm, đồng thời tiết kiệm chi phí để bổ sung thu nhập cho CBCC-LĐ theo chủ trương chung của toàn Ngành. Cụ thể: Tổ chức hội nghị và lễ tân khách tiết với chủ trương không tổ chức phô trương hình thức gây lãng phí, tiếp khách với tinh thần thân mật, vui vẻ, tiết kiệm đúng quy định; cử cán bộ đi công tác, tham gia các lớp đào tạo, tập huấn đúng đối tượng; quy định mức cước phí điện thoại cho các phòng ban; thực hiện khoán chi văn phòng phẩm đến từng cá nhân, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng các loại văn phòng phẩm dùng chung và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc xử lý văn bản nhằm hạn chế tối đa việc in ra giấy; xác định cụ thể mức tiêu hao nhiên liệu, định mức sửa chữa bảo dưỡng đối với phương tiện đi lại; chấp hành nghiêm quy chế sử dụng điện với các giải pháp tiết kiệm triệt để và hiệu quả.

Tổng chi phí khoán thực hiện năm 2016 là 6.225 triệu đồng, đạt 100% dự toán được duyệt.

Tổng chi phí khoán thực hiện năm 2017 là 6.260 triệu đồng, đạt 99,86% dự toán được duyệt (tiết kiệm 9 triệu đồng), giảm 41 triệu đồng (-0,65%) so với năm 2016. Trong đó, khoản chi cho hoạt động quản lý và công vụ thực hiện 1.000 triệu đồng, đạt 90,99% dự toán được duyệt (tiết kiệm 99 triệu đồng), giảm 140 triệu đồng (-12,28%) so với năm 2016.

Tổng chi phí khoán thực hiện năm 2018 là 7.162 triệu đồng, đạt 99,92% dự toán được duyệt (tiết kiệm 6 triệu đồng).

Tổng chi phí khoán thực hiện năm 2019 là 8.037 triệu đồng, đạt 99,99% dự toán được duyệt (tiết kiệm 1 triệu đồng). Trong đó, khoản chi cho hoạt động quản lý

và công vụ thực hiện 1.220 triệu đồng, đạt 99,19% dự toán được duyệt (tiết kiệm 10 triệu đồng).

Tổng chi phí khoán thực hiện năm 2020 là 6.928 triệu đồng, đạt 99,95% dự toán được duyệt (tiết kiệm 3 triệu đồng), giảm 1.109 triệu đồng (-13,80%) so với năm 2019. Trong đó, khoản chi cho hoạt động quản lý và công vụ thực hiện 940 triệu đồng, đạt 93,35% dự toán được duyệt (tiết kiệm 67 triệu đồng), giảm 280 triệu đồng (-22,95%) so với năm 2019.

Tổng chi phí khoán thực hiện năm 2021 là 6.049 triệu đồng, đạt 99,80% dự toán được duyệt (tiết kiệm 12 triệu đồng), giảm 879 triệu đồng (-12,69%) so với năm 2020. Trong đó, khoản chi cho hoạt động quản lý và công vụ thực hiện 647 triệu đồng, đạt 86,27% dự toán được duyệt (tiết kiệm 103 triệu đồng), giảm 293 triệu đồng (-31,17%) so với năm 2020.

3. Trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công: Không phát sinh.

4. Trong quản lý, sử dụng vốn ngân sách nhà nước các chương trình mục tiêu quốc gia: Không phát sinh.

5. Trong quản lý, sử dụng tài sản công

Tại Quyết định số 282/QĐ-NHNN ngày 24/02/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sắp xếp các cơ sở nhà, đất của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Ninh Thuận, giao Chi nhánh giữ lại tiếp tục quản lý, sử dụng 02 cơ sở nhà, đất để làm trụ sở làm việc và các công trình phụ trợ của Chi nhánh, cụ thể:

- Cơ sở nhà, đất tại đường 16 tháng 4, phường Mỹ Bình, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận (*diện tích khuôn viên đất 3.240 m²; diện tích sàn sử dụng 3.059,83 m²*) để bố trí làm trụ sở làm việc.

- Cơ sở nhà, đất tại đường Yên Ninh, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận (*diện tích khuôn viên đất 1.944 m²; diện tích sàn sử dụng 333 m²*) để bố trí làm nhà công vụ.

Chi nhánh đã thực hiện nghiêm Quyết định số 282/QĐ-NHNN và Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công. Hiện tại diện tích làm việc tại trụ sở Chi nhánh đảm bảo đúng theo định mức quy định, không có trường hợp sử dụng lãng phí và sai mục đích. Đối với cơ sở nhà, đất tại đường Yên Ninh đã được Thống đốc NHNN phê duyệt xây dựng mới bố trí làm nhà lưu trú và từ năm 2019 đã được giao cho Ban QLDA đầu tư xây dựng chuyên ngành của NHNN làm Chủ đầu tư.

Tại Quyết định số 283/QĐ-NHNN ngày 24/02/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc điều chuyển tài sản từ Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Ninh Thuận sang Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, điều chuyển nguyên trạng 02 cơ sở nhà, đất hiện Chi nhánh đang quản lý, sử dụng sang Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận để quản lý, sử dụng theo quy định, cụ thể:

- Cơ sở nhà, đất số 17 đường Nguyễn Trãi, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận (*diện tích khuôn viên đất 1.464,3 m²; diện tích sàn sử dụng*

1.162 m²).

- Cơ sở nhà, đất tại Khu phố 2, phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận (*diện tích khuôn viên đất 77 m²; diện tích sàn sử dụng 64,7 m²*).

Chi nhánh đã thực hiện nghiêm Quyết định số 283/QĐ-NHNN, thực hiện việc bàn giao và hạch toán xuất tài sản tại đơn vị theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước, thực hiện báo cáo kê khai bổ sung quyền quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật.

Trong mua sắm, trang bị, sửa chữa, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại: Từ năm 2016-2020, Chi nhánh quản lý 03 xe ô tô (01 xe 05 chỗ, 01 xe 07 chỗ và 01 xe 12 chỗ); trong năm 2021, thanh lý 01 xe ô tô 12 chỗ, đến thời điểm báo cáo Chi nhánh đang quản lý 02 xe ô tô. Xe ô tô của đơn vị chỉ sử dụng phục vụ công tác, về chế độ và tiêu chuẩn cán bộ công chức được sử dụng xe ô tô đã được Chi nhánh quy định chi tiết tại quy chế quản lý và sử dụng phương tiện đi lại của đơn vị. Việc sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ xe ô tô đảm bảo đúng định mức thay thế, bảo dưỡng được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ.

Trong mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị làm việc: Thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chi nhánh đã lập kế hoạch mua sắm tài sản, thiết bị tin học theo đúng quy định và gửi về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trước ngày 30/10 hằng năm. Trong phạm vi nguồn kinh phí mua sắm được duyệt trong năm, Chi nhánh chỉ trang bị phương tiện, thiết bị làm việc thật sự cần thiết để thay thế các công cụ hiện có bị hỏng hoặc mua sắm mới đối với các công cụ còn thiếu trên cơ sở đảm bảo quy định tại Quyết định số 2645/QĐ-NHNN ngày 31/12/2018 về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các đơn vị NHNN và Quy chế quản lý, sử dụng tài sản tại Chi nhánh.

- Trong tổ chức mua sắm, Chi nhánh thực hiện theo đúng hướng dẫn của Ngành và Quy chế quản lý, sử dụng tài sản tại Chi nhánh; có thành lập Hội đồng mua sắm, tiến hành nghiệm thu, kiểm nhận và lập biên bản bàn giao cho đơn vị sử dụng. Việc quản lý, sử dụng các loại tài sản hiện có tại đơn vị được theo dõi chặt chẽ đến từng phòng ban. Đồng thời, Chi nhánh thường xuyên thực hiện bảo trì, bảo dưỡng theo định kỳ các loại tài sản, công cụ nhằm chống sự xuống cấp, kéo dài tuổi thọ của tài sản và nâng cao hiệu quả sử dụng.

- Tình hình mua sắm tài sản từ năm 2016-2021 như sau:

Năm mua sắm	Số lượng	Nguyên giá (triệu đồng)
2016	83	297
2017	59	485
2018	37	362
2019	59	628

Năm mua sắm	Số lượng	Nguyên giá (triệu đồng)
2020	41	397
2021	28	155

Trong mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện thông tin, liên lạc: Mỗi phòng, bộ phận làm việc được Chi nhánh trang bị 01 số máy điện thoại cố định để liên lạc và quy định định mức cước phí sử dụng điện thoại đến từng phòng ban cụ thể. Chi nhánh chỉ sử dụng điện thoại phục vụ cho công tác chung, nội dung trao đổi ngắn gọn, hiệu quả. Tăng cường sử dụng phần mềm zalo, thư điện tử trong quản lý, trao đổi công việc. Về trang bị điện thoại di động và điện thoại cố định tại nhà riêng, thực hiện theo đúng tiêu chuẩn và đối tượng do Ngân hàng Trung ương quy định.

6. Trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động

Chi nhánh triển khai đề án tinh giản biên chế của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giai đoạn 2016-2021; thực hiện công khai, minh bạch, dân chủ trong bổ nhiệm, đề bạt cán bộ, tuyển dụng; tham gia đóng góp ý kiến đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong việc xây dựng chính sách tiền lương, các chế độ đãi ngộ đối với cán bộ, công chức, quy chế bổ nhiệm; rà soát, bổ sung đề án vị trí việc làm; thực hiện sắp xếp lại tổ chức bộ máy theo Quyết định 1692/QĐ-NHNN ngày 08/8/2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam từ 05 phòng chức năng xuống còn 04 phòng chức năng (giảm 1 phòng).

Chi nhánh triển khai, thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và của NHNN; tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, các phòng và trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thực thi nhiệm vụ công vụ. Giám đốc Chi nhánh đã chủ động rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh nội quy, quy chế làm việc, phân công rõ nhiệm vụ cho cán bộ, công chức trong cơ quan; quán triệt, triển khai và tổ chức thực hiện tốt các quy định của Nhà nước về kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở và sử dụng có hiệu quả thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi theo quy định của Bộ luật lao động; sắp xếp, bố trí, sử dụng biên chế hiện có phù hợp với vị trí việc làm, trình độ chuyên môn, năng lực sở trường công tác của từng cán bộ, công chức nhằm phát huy tốt hiệu quả công tác chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

Công tác cải cách hành chính tiếp tục được tăng cường thực hiện; bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa của cơ quan tổ chức thực hiện tốt việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân theo quy định; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan tiếp tục được tăng cường triển khai, thực hiện và phát huy hiệu quả.

7. Trong quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên: Không phát sinh.

8. Trong quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: Không phát sinh.

9. Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Nhà nước tại doanh nghiệp: Không phát sinh.

10. Việc thực hiện công khai các lĩnh vực, hoạt động quy định tại Điều 5 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013

Hàng năm, thực hiện nghiêm túc, đúng quy định việc công khai công tác quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, người lao động; công khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức; công khai tài chính, tài sản của đơn vị; Chương trình hành động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kết quả thực hành tiết kiệm.

11. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán việc THPTK, CLP

Hàng năm, Chi nhánh đã xây dựng kế hoạch về kiểm tra tài chính, kế toán, trong đó phân công kiểm soát nội bộ tiến hành kiểm tra theo định kỳ hàng quý. Đồng thời, trong quá trình tổ chức mua sắm, sửa chữa tài sản đều có sự tham gia của cán bộ kiểm soát nội bộ nhằm giám sát chặt chẽ các khâu. Qua kiểm tra, giám sát, Chi nhánh đã chấp hành nghiêm túc các cơ chế chính sách về quản lý tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ, các quy định về mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản và các quy định về THPTK, CLP.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC, HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, XÁC ĐỊNH NGUYÊN NHÂN, CHỈ RÕ TRÁCH NHIỆM TRONG VIỆC BAN HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN; THPTK, CLP.

1. Các kết quả đạt được

Chi nhánh đã chỉ đạo triển khai, thực hiện công tác PCTN; THPTK, CLP đảm bảo kịp thời, nghiêm túc, có hiệu quả. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các Nghị quyết, Chỉ thị, các văn bản của cấp trên đến toàn thể CBCC-LĐ. Qua đó, từng bước khắc phục được những hạn chế, yếu kém, ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các nguồn lực trong cơ quan, góp phần tạo nguồn lực để thực hiện các giải pháp điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng; đảm bảo tiết kiệm chi phí so với định mức được Nhà nước quy định và trong phạm vi kinh phí khoán được NHNN phê duyệt.

Hàng năm, đã xây dựng Chương trình PCTN; THPTK, CLP đúng quy định, trên cơ sở đó thực hiện tốt hơn các cơ chế quản lý tài chính, đặc biệt là thực hiện quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính trong cơ quan; xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ cụ thể, rõ ràng, công khai các định mức, tiêu chuẩn chế độ chi tiêu trong các cơ quan, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức giám sát, thực hiện công khai tài chính, góp phần cải tiến lề lối làm việc và cải cách hành chính.

2. Hạn chế, nguyên nhân: Không có.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: Không có

V. DỰ BÁO TÌNH HÌNH THỜI GIAN ĐẾN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM.

Với phương châm phòng ngừa là chính, thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp PCTN; THPT, CLP theo định hướng chỉ đạo của Chính phủ, Ngành, không để tham nhũng và các hành vi tiêu cực có cơ hội tồn tại và phát sinh, giải quyết dứt điểm các đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo của công dân không để tình trạng đơn thư kéo dài, tồn đọng; tăng cường công tác cải cách hành chính trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản, thuận tiện, công khai, minh bạch; cải cách công vụ nâng cao trách nhiệm kỷ luật, kỷ cương hành chính của đội ngũ CBCC... Kết quả nhiều năm qua, Chi nhánh không phát sinh vụ việc tham nhũng và các hành vi tiêu cực khác, không phát sinh các vụ khiếu nại, tố cáo tồn đọng bức xúc, kéo dài gây mất trật tự, an toàn xã hội. Theo đó, dự báo trong thời gian tới, tình hình PCTN và các hành vi tiêu cực tại Chi nhánh tương đối ổn định và trong tầm kiểm soát.

Trên đây là báo cáo phục vụ giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh về “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021”, Chi nhánh kính gửi Đoàn giám sát Hội đồng Nhân dân tỉnh Ninh Thuận./.

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, TTGSNH.NTKTHU.

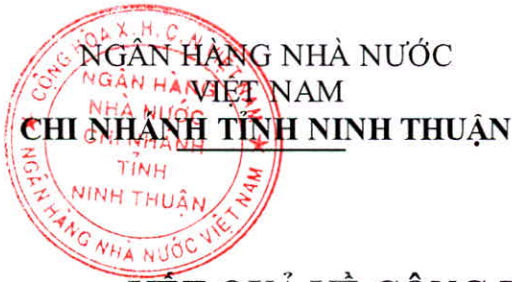
Gửi kèm:

- Phụ lục 1,4 và 7.
- (Các phụ lục khác không phát sinh số liệu nên không gửi kèm)

GIÁM ĐỐC



Hồ Chu Vân



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1
KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
(Số liệu tính từ năm 2016-2021)

MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	SỐ LIỆU <i>(Từ năm 2016-2021)</i>
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	Năm 2016: 11 Năm 2017: 9 Năm 2018: 8 Năm 2019: 9 Năm 2020: 8 Năm 2021: 21 Tổng: 66
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
3	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	0
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	0
5	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	0
	THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG		
	<i>Kết quả thực hiện công khai, minh bạch</i>		
6	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch	CQ, TC, ĐV	0
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch	CQ, TC, ĐV	0
	<i>Xây dựng và thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn</i>		
8	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản	Năm 2017: 2 Năm 2020: 2 Năm 2021: 1

			Tổng: 5
9	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản	0
10	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	0
11	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	Vụ	0
12	Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người	0
13	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý kỷ luật	Người	0
14	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự	Người	0
15	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	0
16	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	0
17	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	0
18	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (Nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	0
	<i>Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức</i>		
19	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, TC, ĐV	0
20	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	0
21	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có xung đột lợi ích của người có chức vụ, quyền hạn	Người	0
	<i>Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập</i>		
22	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa người tham nhũng	Người	
23	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	Năm 2018: 6 Năm 2019: 1 Năm 2020: 5 Tổng: 12
24	Số người tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được	Người	0

	giao của người có xung đột lợi ích; tạm thời chuyển người có xung đột lợi ích sang vị trí công tác khác		
25	Số người đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích	Người	0
	Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập		
26	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	0
27	Số người bị kết luận kê khai không trung thực	Người	0
	Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng		
28	Số người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
29	Số người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
30	Số người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	0
	Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt		
31	Số lượng thủ tục hành chính công được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	118
32	Số lượng thủ tục hành chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	0
33	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng	Tỷ đồng	- Năm 2016: 11.089; - Năm 2017: 12.548; - Năm 2018: 18.654; - Năm 2019: 29.240; - Năm 2020: 19.843; - Năm 2021: 14.708.
34	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán	%	
	Phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước		
35	Số lượng doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý	CQ, TC, ĐV	10 (7 ngân hàng thương mại cổ phần và 3 Quỹ tín dụng)
36	Số lượng doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước được thanh tra việc thực hiện pháp luật về PCTN	CQ, TC, ĐV	4
37	Số lượng doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước vi phạm việc thực hiện pháp luật về PCTN	CQ, TC, ĐV	0
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHƯNG TRONG CƠ		

QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ			
<i>Qua việc công tác kiểm tra và tự kiểm tra của các cơ quan, tổ chức, đơn vị</i>			
38	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước	Vụ	0
39	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước	Người	0
40	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Vụ	0
41	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Người	0
42	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng	Vụ	0
43	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động chống tham nhũng	Người	0
<i>Qua hoạt động thanh tra, giám sát</i>			
44	Số vụ phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Vụ	0
45	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của các cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Người	0
46	Số vụ phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động thanh tra, kiểm toán	Vụ	0
47	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra, kiểm toán	Người	0
<i>Qua phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng</i>			
48	Số đơn, phản ánh, tố cáo và xử lý phản ánh, giải quyết tố cáo có hành vi tham nhũng	Đơn, phản ánh	0
49	Số báo cáo và xử lý báo cáo có hành vi tham nhũng	Báo cáo	0
50	Số đơn, phản ánh, tố cáo và báo cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức, đơn vị	Đơn, phản ánh, báo cáo	0
51	Số đơn, phản ánh, tố cáo và báo cáo về tham nhũng đã được giải quyết	Đơn, phản ánh, báo cáo	0
52	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	0

53	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	0
<i>Qua điều tra tội phạm</i>			
54	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	0
55	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được quan chức năng khởi tố	Người	0
<i>Bảo vệ người tố cáo, phát hiện tham nhũng</i>			
56	Số người được bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo	Người	0
57	Số người được khen thưởng người phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng	Người	0
58	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã bị trả thù	Người	0
59	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng, trong đó:	Người	0
	+ Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ		
	+ Tặng Bằng khen của Bộ, ngành, địa phương		
	+ Tặng Giấy khen		
XỬ LÝ THAM NHŨNG			
60	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử	Vụ	0
61	Số đối tượng bị kết án tham nhũng, trong đó:	Người	0
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng	Người	
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng	Người	
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng	Người	
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng	Người	
62	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	0
63	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	0
64	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	0
65	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	0

	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được		
66	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
67	Đất đai	m ²	0
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường		
68	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
	+ Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng bằng biện pháp hành chính		
	+ Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng bằng biện pháp tư pháp		
69	Đất đai	m ²	0
	+ Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng bằng biện pháp hành chính		
	+ Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng bằng biện pháp tư pháp		
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được		
70	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
71	Đất đai	m ²	0

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Tổng giai đoạn 2016-2021		Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)																
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN																
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	Triệu đồng															
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	Triệu đồng															
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	Triệu đồng															
1.4	Các nội dung khác																
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN																
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:																
	<i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i>	Triệu đồng	0		2		1		1		0	0	2	14	6	14	
	<i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i>	Triệu đồng	0		1		0		0		2	4	2	16	5	20	
	<i>Tiết kiệm sử dụng điện</i>	Triệu đồng	1		0		0		1		5	24	3	19	10	43	

TT	NỘI DUNG	DVT	THỜI ĐIỂM 31/12/2015	THỜI ĐIỂM 31/12/2016	THỜI ĐIỂM 31/12/2020	THỜI ĐIỂM 31/12/2021	TĂNG (+)/GIẢM (-)			Nguyên nhân tăng, giảm	TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ (Giấy Chứng nhận, đăng ký, Hợp đồng thuê, Giấy tờ khác)	Ghi chú
							Năm 2016 so với năm 2015	Năm 2020 so với năm 2015	Năm 2021 so với năm 2020			
3	Nguyên giá theo sổ kế toán	1.000 đ										
a	Nguồn ngân sách	1.000 đ										
b	Nguồn khác	1.000 đ										
4	Giá trị còn lại theo sổ kế toán	1.000 đ										
II	XE PHỤC VỤ CHUNG											
1	Tổng số xe phục vụ chung	cái	2	2	1	1	0	-1	0	Điều chuyển qua xe chuyên dùng		Năm 2019 sắp xếp lại định mức sử dụng xe theo ND 04/2019/ND-CP

TT	NỘI DUNG	DVT	THỜI ĐIỂM 31/12/2015	THỜI ĐIỂM 31/12/2016	THỜI ĐIỂM 31/12/2020	THỜI ĐIỂM 31/12/2021	TĂNG (+)/GIẢM (-)			Nguyên nhân tăng, giảm	TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ (Giấy Chứng nhận, đăng ký, Hợp đồng thuê, Giấy tờ khác)	Ghi chú
							Năm 2016 so với năm 2015	Năm 2020 so với năm 2015	Năm 2021 so với năm 2020			
2	Hiện trạng sử dụng											
a	Quản lý nhà nước	cái	2	2	1	1	0	-1	0			
b	Hoạt động sự nghiệp	cái										
	- Kinh doanh	cái										
	- Không kinh doanh	cái										
	- Cho thuê	cái										
	- Liên doanh, liên kết	cái										
c	Sử dụng khác	cái										
3	Nguyên giá theo sổ kế toán	1.000 đ	1.566.801	1.566.801	1.151.360	1.151.360	0	-415.441	0			
a	Nguồn ngân sách	1.000 đ	1.566.801	1.566.801	1.151.360	1.151.360	0	-415.441	0			

TT	NỘI DUNG	DVT	THỜI ĐIỂM 31/12/2015	THỜI ĐIỂM 31/12/2016	THỜI ĐIỂM 31/12/2020	THỜI ĐIỂM 31/12/2021	TĂNG (+)/GIẢM (-)			Nguyên nhân tăng, giảm	TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ (Giấy Chứng nhận, đăng ký, Hợp đồng thuê, Giấy tờ khác)	Ghi chú	
							Năm 2016 so với năm 2015	Năm 2020 so với năm 2015	Năm 2021 so với năm 2020				
	- Liên doanh, liên kết	cái											
c	Sử dụng khác	cái											
3	Nguyên giá theo sổ kế toán	1.000 đ	415.748	415.748	831.189	415.441	0	415.441	-415.748				
a	Nguồn ngân sách	1.000 đ	415.748	415.748	831.189	415.441	0	415.441	-415.748				
b	Nguồn khác	1.000 đ											
4	Giá trị còn lại theo sổ kế toán	1.000 đ	0	0	0	0	0	0	0				
C	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC (NGOÀI ĐẤT, NHÀ, XE Ô TÔ)												
I	Bàn họp Ban lãnh đạo												
1	Hiện trạng sử dụng												
a	Quản lý nhà nước	cái	1	1	1	1	0	0	0				

TT	NỘI DUNG	DVT	THỜI ĐIỂM 31/12/2015	THỜI ĐIỂM 31/12/2016	THỜI ĐIỂM 31/12/2020	THỜI ĐIỂM 31/12/2021	TĂNG (+)/GIẢM (-)			Nguyên nhân tăng, giảm	TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ (Giấy Chứng nhận, đăng ký, Hợp đồng thuê, Giấy tờ khác)	Ghi chú
							Năm 2016 so với năm 2015	Năm 2020 so với năm 2015	Năm 2021 so với năm 2020			
2	Nguyên giá theo sổ kế toán	1.000 đ	37.913	37.913	37.913	37.913	0	0	0			
a	Nguồn ngân sách	1.000 đ	37.913	37.913	37.913	37.913	0	0	0			
b	Nguồn khác	1.000 đ										
3	Giá trị còn lại theo sổ kế toán	1.000 đ	0	0	0	0	0	0	0			
IX	Điện thoại IP Phone											
1	Hiện trạng sử dụng											
a	Quản lý nhà nước	cái	1	1	1	1	0	0	0			
b	Hoạt động sự nghiệp	cái										
	- Kinh doanh	cái										
	- Không kinh doanh	cái										
	- Cho thuê	cái										
	- Liên doanh, liên kết	cái										
c	Sử dụng khác	cái										
2	Nguyên giá theo sổ kế toán	1.000 đ	248.329	248.329	248.329	248.329	0	0	0			

TT	NỘI DUNG	DVT	THỜI ĐIỂM 31/12/2015	THỜI ĐIỂM 31/12/2016	THỜI ĐIỂM 31/12/2020	THỜI ĐIỂM 31/12/2021	TĂNG (+)/GIẢM (-)			Nguyên nhân tăng, giảm	TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ (Giấy Chứng nhận, đăng ký, Hợp đồng thuê, Giấy tờ khác)	Ghi chú
							Năm 2016 so với năm 2015	Năm 2020 so với năm 2015	Năm 2021 so với năm 2020			
a	Nguồn ngân sách	1.000 đ	248.329	248.329	248.329	248.329	0	0	0			
b	Nguồn khác	1.000 đ										
3	Giá trị còn lại theo sổ kế toán	1.000 đ	0	0	0	0	0	0	0			
X	Bộ định tuyến (DATTLNH GD II)											
1	Hiện trạng sử dụng											
a	Quản lý nhà nước	cái	1	1	1	1	0	0	0			
b	Hoạt động sự nghiệp	cái										
	- Kinh doanh	cái										
	- Không kinh doanh	cái										
	- Cho thuê	cái										
	- Liên doanh, liên kết	cái										
c	Sử dụng khác	cái										
2	Nguyên giá theo sổ kế toán	1.000 đ	315.596	315.596	315.596	315.596	0	0	0			
a	Nguồn ngân sách	1.000 đ	315.596	315.596	315.596	315.596	0	0	0			
b	Nguồn khác	1.000 đ					0	0	0			

TT	NỘI DUNG	DVT	THỜI ĐIỂM 31/12/2015	THỜI ĐIỂM 31/12/2016	THỜI ĐIỂM 31/12/2020	THỜI ĐIỂM 31/12/2021	TĂNG (+)/GIẢM (-)			Nguyên nhân tăng, giảm	TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ (Giấy Chứng nhận, đăng ký, Hợp đồng thuê, Giấy tờ khác)	Ghi chú
							Năm 2016 so với năm 2015	Năm 2020 so với năm 2015	Năm 2021 so với năm 2020			
3	Giá trị còn lại theo sổ kế toán	1.000 đ	0	0	0	0	0	0	0			
XI	Tủ Rack 42U											
1	Hiện trạng sử dụng											
a	Quản lý nhà nước	cái	1	1	1	1	0	0	0			
b	Hoạt động sự nghiệp	cái										
	- Kinh doanh	cái										
	- Không kinh doanh	cái										
	- Cho thuê	cái										
	- Liên doanh, liên kết	cái										
c	Sử dụng khác	cái										
2	Nguyên giá theo sổ kế toán	1.000 đ	82.680	82.680	82.680	82.680	0	0	0			
a	Nguồn ngân sách	1.000 đ	82.680	82.680	82.680	82.680	0	0	0			
b	Nguồn khác	1.000 đ										
3	Giá trị còn lại theo sổ kế toán	1.000 đ	0	0	0	0	0	0	0			

TT	NỘI DUNG	DVT	THỜI ĐIỂM 31/12/2015	THỜI ĐIỂM 31/12/2016	THỜI ĐIỂM 31/12/2020	THỜI ĐIỂM 31/12/2021	TĂNG (+)/GIẢM (-)			Nguyên nhân tăng, giảm	TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ (Giấy Chứng nhận, đăng ký, Hợp đồng thuê, Giấy tờ khác)	Ghi chú
							Năm 2016 so với năm 2015	Năm 2020 so với năm 2015	Năm 2021 so với năm 2020			
XII	Thiết bị mạng máy tính											
1	Hiện trạng sử dụng											
a	Quản lý nhà nước	cái	1	1	1	1	0	0	0			
b	Hoạt động sự nghiệp	cái										
	- Kinh doanh	cái										
	- Không kinh doanh	cái										
	- Cho thuê	cái										
	- Liên doanh, liên kết	cái										
c	Sử dụng khác	cái										
2	Nguyên giá theo sổ kế toán	1.000 đ	324.573	324.573	324.573	324.573	0	0	0			
a	Nguồn ngân sách	1.000 đ	324.573	324.573	324.573	324.573	0	0	0			
b	Nguồn khác	1.000 đ										
3	Giá trị còn lại theo sổ kế toán	1.000 đ	0	0	0	0	0	0	0			

TT	NỘI DUNG	DVT	THỜI ĐIỂM 31/12/2015	THỜI ĐIỂM 31/12/2016	THỜI ĐIỂM 31/12/2020	THỜI ĐIỂM 31/12/2021	TĂNG (+)/GIẢM (-)			Nguyên nhân tăng, giảm	TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ (Giấy Chứng nhận, đăng ký, Hợp đồng thuê, Giấy tờ khác)	Ghi chú
							Năm 2016 so với năm 2015	Năm 2020 so với năm 2015	Năm 2021 so với năm 2020			
XIII	HT và thiết bị tường lửa											
1	Hiện trạng sử dụng											
a	Quản lý nhà nước	cái	4	4	2	2	0	-2	0	Thanh lý năm 2019		
b	Hoạt động sự nghiệp	cái										
	- Kinh doanh	cái										
	- Không kinh doanh	cái										
	- Cho thuê	cái										
	- Liên doanh, liên kết	cái										
c	Sử dụng khác	cái										
2	Nguyên giá theo sổ kế toán	1.000 đ	1.208.412	1.208.412	361.211	361.211	0	-847.201	0			
a	Nguồn ngân sách	1.000 đ	1.208.412	1.208.412	361.211	361.211	0	-847.201	0			
b	Nguồn khác	1.000 đ										
3	Giá trị còn lại theo sổ kế toán	1.000 đ	41.792	0	0	0	-41.792	-41.792	0			

TT	NỘI DUNG	DVT	THỜI ĐIỂM 31/12/2015	THỜI ĐIỂM 31/12/2016	THỜI ĐIỂM 31/12/2020	THỜI ĐIỂM 31/12/2021	TĂNG (+)/GIẢM (-)			Nguyên nhân tăng, giảm	TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ (Giấy Chứng nhận, đăng ký, Hợp đồng thuê, Giấy tờ khác)	Ghi chú
							Năm 2016 so với năm 2015	Năm 2020 so với năm 2015	Năm 2021 so với năm 2020			
3	Giá trị còn lại theo sổ kế toán	1.000 đ	132.598	0	0	0	-132.598	-132.598	0			
XV	UPS (6KVA, 10KVA, trên 10KVA)											
1	Hiện trạng sử dụng											
a	Quản lý nhà nước	cái	4	2	3	3	-2	-1	0	Thanh lý và mua mới/trang cấp		
b	Hoạt động sự nghiệp	cái										
	- Kinh doanh	cái										
	- Không kinh doanh	cái										
	- Cho thuê	cái										
	- Liên doanh, liên kết	cái										
c	Sử dụng khác	cái										
2	Nguyên giá theo sổ kế toán	1.000 đ	461.682	311.532	394.148	394.148	-150.150	-67.534	0			
a	Nguồn ngân sách	1.000 đ	461.682	311.532	394.148	394.148	-150.150	-67.534	0			

TT	NỘI DUNG	DVT	THỜI ĐIỂM 31/12/2015	THỜI ĐIỂM 31/12/2016	THỜI ĐIỂM 31/12/2020	THỜI ĐIỂM 31/12/2021	TĂNG (+)/GIẢM (-)			Nguyên nhân tăng, giảm	TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ (Giấy Chứng nhận, đăng ký, Hợp đồng thuê, Giấy tờ khác)	Ghi chú
							Năm 2016 so với năm 2015	Năm 2020 so với năm 2015	Năm 2021 so với năm 2020			
b	Nguồn khác	1.000 đ										
3	Giá trị còn lại theo sổ kế toán	1.000 đ	0	0	58.141	25.756	0	58.141	-32.385			
XVI	Phần mềm máy vi tính											
1	Hiện trạng sử dụng											
a	Quản lý nhà nước	cái	4	4	1	1	0	-3	0	Thanh lý năm 2018		
b	Hoạt động sự nghiệp	cái										
	- Kinh doanh	cái										
	- Không kinh doanh	cái										
	- Cho thuê	cái										
	- Liên doanh, liên kết	cái										
c	Sử dụng khác	cái										
2	Nguyên giá theo sổ kế toán	1.000 đ	1.128.293	1.128.293	973.236	973.236	0	-155.057	0			
a	Nguồn ngân sách	1.000 đ	1.128.293	1.128.293	973.236	973.236	0	-155.057	0			

TT	NỘI DUNG	DVT	THỜI ĐIỂM 31/12/2015	THỜI ĐIỂM 31/12/2016	THỜI ĐIỂM 31/12/2020	THỜI ĐIỂM 31/12/2021	TĂNG (+)/GIẢM (-)			Nguyên nhân tăng, giảm	TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ (Giấy Chứng nhận, đăng ký, Hợp đồng thuê, Giấy tờ khác)	Ghi chú
							Năm 2016 so với năm 2015	Năm 2020 so với năm 2015	Năm 2021 so với năm 2020			
b	Nguồn khác	1.000 đ										
3	Giá trị còn lại theo sổ kế toán	1.000 đ	0	0	0	0	0	0	0			
XVII	Vật kiến trúc khác (Sân vườn, cổng tường rào, bể nước ngầm)											
1	Hiện trạng sử dụng											
a	Quản lý nhà nước	cái	3	3	3	3	0	0	0			
b	Hoạt động sự nghiệp	cái										
	- Kinh doanh	cái										
	- Không kinh doanh	cái										
	- Cho thuê	cái										
	- Liên doanh, liên kết	cái										
c	Sử dụng khác	cái										
2	Nguyên giá theo sổ kế toán	1.000 đ	3.370.245	3.370.245	3.370.245	3.370.245	0	0	0			
a	Nguồn ngân sách	1.000 đ	3.370.245	3.370.245	3.370.245	3.370.245	0	0	0			

TT	NỘI DUNG	DVT	THỜI ĐIỂM 31/12/2015	THỜI ĐIỂM 31/12/2016	THỜI ĐIỂM 31/12/2020	THỜI ĐIỂM 31/12/2021	TĂNG (+)/GIẢM (-)			Nguyên nhân tăng, giảm	TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ (Giấy Chứng nhận, đăng ký, Hợp đồng thuê, Giấy tờ khác)	Ghi chú
							Năm 2016 so với năm 2015	Năm 2020 so với năm 2015	Năm 2021 so với năm 2020			
a	Quản lý nhà nước	cái	2	2	2	2	0	0	0	Năm 2017: Thanh lý 01 máy; trang cấp 01 máy		
b	Hoạt động sự nghiệp	cái										
	- Kinh doanh	cái										
	- Không kinh doanh	cái										
	- Cho thuê	cái										
	- Liên doanh, liên kết	cái										
c	Sử dụng khác	cái										
2	Nguyên giá theo sổ kế toán	1.000 đ	163.300	163.300	161.300	161.300	0	-2.000	0			
a	Nguồn ngân sách	1.000 đ	163.300	163.300	161.300	161.300	0	-2.000	0			
b	Nguồn khác	1.000 đ										
3	Giá trị còn lại theo sổ kế toán	1.000 đ	0	0	21.062	0	0	21.062	-21.062			

TT	NỘI DUNG	DVT	THỜI ĐIỂM 31/12/2015	THỜI ĐIỂM 31/12/2016	THỜI ĐIỂM 31/12/2020	THỜI ĐIỂM 31/12/2021	TĂNG (+)/GIẢM (-)			Nguyên nhân tăng, giảm	TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ (Giấy Chứng nhận, đăng ký, Hợp đồng thuê, Giấy tờ khác)	Ghi chú
							Năm 2016 so với năm 2015	Năm 2020 so với năm 2015	Năm 2021 so với năm 2020			
XXV	Hệ thống điều hòa, không khí											
1	Hiện trạng sử dụng											
a	Quản lý nhà nước	cái	1	1	1	1	0	0	0			
b	Hoạt động sự nghiệp	cái										
	- Kinh doanh	cái										
	- Không kinh doanh	cái										
	- Cho thuê	cái										
	- Liên doanh, liên kết	cái										
c	Sử dụng khác	cái										
2	Nguyên giá theo sổ kế toán	1.000 đ	1.151.643	1.151.643	1.151.643	1.151.643	0	0	0			
a	Nguồn ngân sách	1.000 đ	1.151.643	1.151.643	1.151.643	1.151.643	0	0	0			
b	Nguồn khác	1.000 đ										
3	Giá trị còn lại theo sổ kế toán	1.000 đ	179.350	0	0	0	-179.350	-179.350	0			

TT	NỘI DUNG	DVT	THỜI ĐIỂM 31/12/2015	THỜI ĐIỂM 31/12/2016	THỜI ĐIỂM 31/12/2020	THỜI ĐIỂM 31/12/2021	TĂNG (+)/GIẢM (-)			Nguyên nhân tăng, giảm	TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ (Giấy Chứng nhận, đăng ký, Hợp đồng thuê, Giấy tờ khác)	Ghi chú
							Năm 2016 so với năm 2015	Năm 2020 so với năm 2015	Năm 2021 so với năm 2020			
XXVI	Bàn hợp Oval											
1	Hiện trạng sử dụng											
a	Quản lý nhà nước	cái	1	1	1	1	0	0	0			
b	Hoạt động sự nghiệp	cái										
	- Kinh doanh	cái										
	- Không kinh doanh	cái										
	- Cho thuê	cái										
	- Liên doanh, liên kết	cái										
c	Sử dụng khác	cái										
2	Nguyên giá theo sổ kế toán	1.000 đ	63.800	63.800	63.800	63.800	0	0	0			
a	Nguồn ngân sách	1.000 đ	63.800	63.800	63.800	63.800	0	0	0			
b	Nguồn khác	1.000 đ										
3	Giá trị còn lại theo sổ kế toán	1.000 đ	0	0	0	0	0	0	0			

TT	NỘI DUNG	DVT	THỜI ĐIỂM 31/12/2015	THỜI ĐIỂM 31/12/2016	THỜI ĐIỂM 31/12/2020	THỜI ĐIỂM 31/12/2021	TĂNG (+)/GIẢM (-)			Nguyên nhân tăng, giảm	TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ (Giấy Chứng nhận, đăng ký, Hợp đồng thuê, Giấy tờ khác)	Ghi chú
							Năm 2016 so với năm 2015	Năm 2020 so với năm 2015	Năm 2021 so với năm 2020			
XXVII	Quỹ giao dịch											
1	Hiện trạng sử dụng											
a	Quản lý nhà nước	cái	1	1	1	1	0	0	0			
b	Hoạt động sự nghiệp	cái										
	- Kinh doanh	cái										
	- Không kinh doanh	cái										
	- Cho thuê	cái										
	- Liên doanh, liên kết	cái										
c	Sử dụng khác	cái										
2	Nguyên giá theo sổ kế toán	1.000 đ	210.796	210.796	210.796	210.796	0	0	0			
a	Nguồn ngân sách	1.000 đ	210.796	210.796	210.796	210.796	0	0	0			
b	Nguồn khác	1.000 đ										
3	Giá trị còn lại theo sổ kế toán	1.000 đ	33.887	0	0	0	-33.887	-33.887	0			

TT	NỘI DUNG	DVT	THỜI ĐIỂM 31/12/2015	THỜI ĐIỂM 31/12/2016	THỜI ĐIỂM 31/12/2020	THỜI ĐIỂM 31/12/2021	TĂNG (+)/GIẢM (-)			Nguyên nhân tăng, giảm	TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ (Giấy Chứng nhận, đăng ký, Hợp đồng thuê, Giấy tờ khác)	Ghi chú
							Năm 2016 so với năm 2015	Năm 2020 so với năm 2015	Năm 2021 so với năm 2020			
XXVIII	Hệ thống thang máy											
1	Hiện trạng sử dụng											
a	Quản lý nhà nước	cái	1	1	1	1	0	0	0			
b	Hoạt động sự nghiệp	cái										
	- Kinh doanh	cái										
	- Không kinh doanh	cái										
	- Cho thuê	cái										
	- Liên doanh, liên kết	cái										
c	Sử dụng khác	cái										
2	Nguyên giá theo sổ kế toán	1.000 đ	950.250	950.250	950.250	950.250	0	0	0			
a	Nguồn ngân sách	1.000 đ	950.250	950.250	950.250	950.250	0	0	0			
b	Nguồn khác	1.000 đ										
3	Giá trị còn lại theo sổ kế toán	1.000 đ	149.132	0	0	0	-149.132	-149.132	0			

TT	NỘI DUNG	DVT	THỜI ĐIỂM 31/12/2015	THỜI ĐIỂM 31/12/2016	THỜI ĐIỂM 31/12/2020	THỜI ĐIỂM 31/12/2021	TĂNG (+)/GIẢM (-)			Nguyên nhân tăng, giảm	TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ (Giấy Chứng nhận, đăng ký, Hợp đồng thuê, Giấy tờ khác)	Ghi chú
							Năm 2016 so với năm 2015	Năm 2020 so với năm 2015	Năm 2021 so với năm 2020			
XXIX	Hệ thống truyền hình trực tuyến											
1	Hiện trạng sử dụng											
a	Quản lý nhà nước	cái	1	1	1	1	0	0	0			
b	Hoạt động sự nghiệp	cái										
	- Kinh doanh	cái										
	- Không kinh doanh	cái										
	- Cho thuê	cái										
	- Liên doanh, liên kết	cái										
c	Sử dụng khác	cái										
2	Nguyên giá theo sổ kế toán	1.000 đ	333.053	333.053	333.053	333.053	0	0	0			
a	Nguồn ngân sách	1.000 đ	333.053	333.053	333.053	333.053	0	0	0			
b	Nguồn khác	1.000 đ										
3	Giá trị còn lại theo sổ kế toán	1.000 đ	257.003	182.331	0	0	-74.672	-257.003	0			

TT	NỘI DUNG	DVT	THỜI ĐIỂM 31/12/2015	THỜI ĐIỂM 31/12/2016	THỜI ĐIỂM 31/12/2020	THỜI ĐIỂM 31/12/2021	TĂNG (+)/GIẢM (-)			Nguyên nhân tăng, giảm	TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ (Giấy Chứng nhận, đăng ký, Hợp đồng thuê, Giấy tờ khác)	Ghi chú
							Năm 2016 so với năm 2015	Năm 2020 so với năm 2015	Năm 2021 so với năm 2020			
XXX	Tủ tương											
1	Hiện trạng sử dụng											
a	Quản lý nhà nước	cái	1	1	1	1	0	0	0			
b	Hoạt động sự nghiệp	cái										
	- Kinh doanh	cái										
	- Không kinh doanh	cái										
	- Cho thuê	cái										
	- Liên doanh, liên kết	cái										
c	Sử dụng khác	cái										
2	Nguyên giá theo sổ kế toán	1.000 đ	54.635	54.635	54.635	54.635	0	0	0			
a	Nguồn ngân sách	1.000 đ	54.635	54.635	54.635	54.635	0	0	0			
b	Nguồn khác	1.000 đ										
3	Giá trị còn lại theo sổ kế toán	1.000 đ	0	0	0	0	0	0	0			

TT	NỘI DUNG	DVT	THỜI ĐIỂM 31/12/2015	THỜI ĐIỂM 31/12/2016	THỜI ĐIỂM 31/12/2020	THỜI ĐIỂM 31/12/2021	TĂNG (+)/GIẢM (-)			Nguyên nhân tăng, giảm	TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ (Giấy Chứng nhận, đăng ký, Hợp đồng thuê, Giấy tờ khác)	Ghi chú
							Năm 2016 so với năm 2015	Năm 2020 so với năm 2015	Năm 2021 so với năm 2020			
XXXI	TIVI LCD TOSHIBA 55ZV600T											
1	Hiện trạng sử dụng											
a	Quản lý nhà nước	cái	1	1	1	1	0	0	0			
b	Hoạt động sự nghiệp	cái										
	- Kinh doanh	cái										
	- Không kinh doanh	cái										
	- Cho thuê	cái										
	- Liên doanh, liên kết	cái										
c	Sử dụng khác	cái										
2	Nguyên giá theo sổ kế toán	1.000 đ	35.000	35.000	35.000	35.000	0	0	0			
a	Nguồn ngân sách	1.000 đ	35.000	35.000	35.000	35.000	0	0	0			
b	Nguồn khác	1.000 đ										
3	Giá trị còn lại theo sổ kế toán	1.000 đ	0	0	0	0	0	0	0			

TT	NỘI DUNG	DVT	THỜI ĐIỂM 31/12/2015	THỜI ĐIỂM 31/12/2016	THỜI ĐIỂM 31/12/2020	THỜI ĐIỂM 31/12/2021	TĂNG (+)/GIẢM (-)			Nguyên nhân tăng, giảm	TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ (Giấy Chứng nhận, đăng ký, Hợp đồng thuê, Giấy tờ khác)	Ghi chú
							Năm 2016 so với năm 2015	Năm 2020 so với năm 2015	Năm 2021 so với năm 2020			
3	Giá trị còn lại theo sổ kế toán	1.000 đ	0	0	42.362	34.530	0	42.362	-7.832			
XXXIII	Hệ thống Camera quan sát bảo vệ mục tiêu											
1	Hiện trạng sử dụng											
a	Quản lý nhà nước	cái	0	0	1	1	0	1	0	Mua mới năm 2019		
b	Hoạt động sự nghiệp	cái										
	- Kinh doanh	cái										
	- Không kinh doanh	cái										
	- Cho thuê	cái										
	- Liên doanh, liên kết	cái										
c	Sử dụng khác	cái										
2	Nguyên giá theo sổ kế toán	1.000 đ	0	0	59.598	59.598	0	59.598	0			
a	Nguồn ngân sách	1.000 đ	0	0	59.598	59.598	0	59.598	0			

TT	NỘI DUNG	DVT	THỜI ĐIỂM 31/12/2015	THỜI ĐIỂM 31/12/2016	THỜI ĐIỂM 31/12/2020	THỜI ĐIỂM 31/12/2021	TĂNG (+)/GIẢM (-)			Nguyên nhân tăng, giảm	TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ (Giấy Chứng nhận, đăng ký, Hợp đồng thuê, Giấy tờ khác)	Ghi chú
							Năm 2016 so với năm 2015	Năm 2020 so với năm 2015	Năm 2021 so với năm 2020			
b	Nguồn khác	1.000 đ										
3	Giá trị còn lại theo sổ kế toán	1.000 đ	0	0	46.300	36.368	0	46.300	-9.932			